

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2025

*“V/v Không công nhận quan
hệ vợ chồng”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Tuấn

Bà Đàm Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc: *“Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Phạm Xuân H, sinh năm 1957; nơi thường trú: tổ B, khu H, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ B, khu H, phường U, tỉnh Quảng Ninh);

Căn cước công dân số 022057003944; ngày cấp 28/6/2021, tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* bà Phạm Thị V, sinh năm 1962; nơi đăng ký thường trú: tổ B, khu H, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ B, khu H, phường U, tỉnh Quảng Ninh); nơi ở hiện nay: Trung Quốc (không rõ địa chỉ).

Căn cước công dân số 022162001558; ngày cấp 20/9/2023, tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Xuân H trình bày: ông Phạm Xuân H kết hôn với bà Phạm Thị V vào cuối năm 1986, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường U, tỉnh Quảng Ninh). Giấy chứng nhận ký kết hôn đã bị thất lạc, ông H đã đến Ủy ban nhân dân phường Q để xin xác nhận nhưng ủy ban

không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn trước năm 1988 nên không xin xác nhận được. Sau khi kết hôn, ông H và bà V sinh sống tại tổ B, khu H, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 1992, do cuộc sống khó khăn; con nhỏ ốm đau; không công ăn việc làm nên khó khăn về tài chính dẫn đến mâu thuẫn gia đình, bà V đã bỏ nhà đi, không liên lạc, thông tin gì với ông H nữa. Thời gian đầu ông H không biết bà V đi đâu, làm gì; về sau qua người thân của bà V, ông H mới biết bà V bỏ nhà đi Trung Quốc. Thời gian gần đây ông H được biết bà V có về Việt Nam, có liên hệ với các con chung của ông H và bà V, sau đó lại sang Trung Quốc sinh sống. Ông H có hỏi các con về địa chỉ của bà V tại Trung Quốc nhưng các con không có, do bà V không cung cấp địa chỉ cho các con. Ông H và bà V đã không còn chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay, để ổn định cuộc sống ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho ông H được ly hôn với bà V.

Về con chung: ông H và bà V có hai con chung là Phạm Thị Mai H1, sinh ngày 27/10/1987 và Phạm Tú H2, sinh ngày 05/11/1990, các con chung đều đã thành niên, mạnh khỏe, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 09/6/2025, ông Phạm Xuân H có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện, thể hiện nội dung: do ông H không còn lưu giữ tài liệu chứng minh ông H và bà V có đăng ký kết hôn, nên đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Phạm Thị V theo quy định của pháp luật đối với trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

* *Tại Công văn số: 1221/XNC(Đ1) ngày 10/4/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bà Phạm Thị V, thể hiện:* trường hợp Phạm Thị V, sinh ngày 10/3/1962 không có thông tin xuất, nhập cảnh.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với chị Phạm Thị Mai H1, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ A, khu D, phường Y, tỉnh Quảng Ninh và anh Phạm Tú H2, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ B, khu H, phường U, tỉnh Quảng Ninh, thể hiện nội dung:* chị H1 và anh H2 là con chung của ông H và bà V, chị H1 và anh H2 lớn lên do một mình ông H nuôi dưỡng, được biết bà V đã bỏ nhà đi từ năm 1992 và hiện nay đang ở Trung Quốc nhưng chị H1 và anh H2 không biết địa chỉ cụ thể của bà V tại Trung Quốc, chỉ biết sinh sống ở vùng kinh tế rất khó khăn tại Trung Quốc. Bà V thỉnh thoảng có liên lạc bằng điện thoại với chị H1 và anh H2 để hỏi thăm sức khỏe; lần gần nhất là năm 2023, bà V có về nước làm căn cước công dân. Chị H1 và anh H2 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 21/2025/TB-TLVA ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, chị H1 và anh H2 cam đoan sẽ thông báo cho bà V được biết, để bà V có thể thu xếp được thì về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm việc hoặc làm bản tự khai gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

* *Tại Văn bản đề ngày 16/4/2025, của chị Phạm Thị Mai H1 và anh Phạm Tú H2 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thể hiện nội dung:* sau khi được làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh và nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án

số: 21/2025/TB-TLVA ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh được vài hôm, thì bà V có liên lạc về cho chị H1 và anh H2. Chị H1, anh H2 đã thông báo lại toàn bộ nội dung được Tòa án thông báo, trao đổi và gửi cho chị H1, anh H2 cho bà V được biết. Bà V có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, vì bà V và ông H đã lâu không còn sống chung, không còn tình cảm với nhau. Còn việc bà V có về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết với ông H hoặc làm bản tự khai gửi về Tòa án hay không thì chị H1 và anh H2 không rõ.

** Tại Biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, có sự tham gia của chị Phạm Thị Mai H1, là con chung của ông H và bà V, thể hiện nội dung:* chị H1 đã gọi điện thoại trực tiếp cho bà Phạm Thị V theo số điện thoại +8613642433951, để bà V nói chuyện với sự chứng kiến của những người được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Nội dung bà V trình bày: bà V bỏ chồng con sang Trung Quốc làm việc từ năm 1992, do vợ chồng mâu thuẫn (trốn đi bất hợp pháp, không đi theo đường chính ngạch). Bà V đã xây dựng gia đình với người khác và có một con trai, nơi ở hiện nay của bà V tại Trung Quốc là vùng nông thôn (xa trung tâm), bà V không cung cấp được địa chỉ nơi đang sinh sống vì không biết đọc và viết tiếng Trung Quốc. Từ khi bà V bỏ sang Trung Quốc đã về Việt Nam vài lần, lần gần nhất là năm 2023 để làm Căn cước công dân; bà V về Việt Nam và trở lại Trung Quốc qua Cửa khẩu M. **Hiện nay bà V được biết ông H khởi kiện ra Tòa án để giải quyết về hôn nhân, bà V nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H** vì bà bỏ đi đã lâu, hai người không còn tình cảm gì với nhau nữa; các con chung của bà V và ông H đã thành niên; về tài sản chung, nợ chung: không có. Bà V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà V, gửi quyết định giải quyết của Tòa án cho con gái của bà V là chị Phạm Thị Mai H1 để thông báo cho bà V biết. Bà V sẽ nhờ người chụp hình nơi bà V đang sinh sống tại Trung Quốc gửi cho con gái bà V, để cung cấp cho Tòa án.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn ông Phạm Xuân H đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện **và thay đổi yêu cầu khởi kiện** của nguyên đơn ông Phạm Xuân H như nêu trên. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân H đối với bà Phạm Thị V.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, đơn sửa đổi đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân H và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, thể hiện ông H và bà V xây dựng gia đình với nhau từ cuối năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường U, tỉnh Quảng Ninh). Ông H trình bày giấy chứng nhận ký kết hôn đã bị thất lạc, ông H đã đến Ủy ban nhân dân phường Q để xin xác nhận nhưng ủy ban không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn trước năm 1988, nên không xác nhận được và ông H cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã làm việc với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường U, tỉnh Quảng Ninh), thể hiện: Ủy ban nhân dân phường Q không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn trước năm 1988, do đó không có thông tin về trường hợp của ông Phạm Xuân H và bà Phạm Thị V để cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *“Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*; bị đơn bà Phạm Thị V có nơi đăng ký thường trú tại phường U, tỉnh Quảng Ninh nhưng đang sinh sống tại Trung Quốc. Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; Điều 4 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn ông Phạm Xuân H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị V, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và có đề nghị được vắng mặt, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân trong gia đình; niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi bà V đăng ký thường trú theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: theo ông Phạm Xuân H trình bày ông H và bà V xây dựng gia đình với nhau từ cuối năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường U, tỉnh Quảng Ninh), giấy chứng nhận ký kết hôn đã bị thất lạc, ông H đã đến Ủy ban nhân dân phường Q để xin xác nhận nhưng ủy ban không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn trước năm 1988, nên không xác nhận được và ông H cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh. Ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã làm việc với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường U, tỉnh Quảng Ninh), thể hiện: Ủy ban nhân dân phường Q không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn trước năm 1988, do đó không có thông tin về trường hợp của ông H và bà V để cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào tài liệu ông H giao nộp kèm theo đơn khởi kiện, gồm: sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Phạm Xuân H (bản photo); 02 Giấy khai sinh mang tên Phạm Thị Mai H1, sinh ngày 27/10/1987 và Phạm Tú H2, sinh ngày 05/11/1990 (bản sao), có đủ cơ sở xác định ông H và bà V chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng cuối năm 1986 đầu năm 1987.

Căn cứ lời khai của ông H; lời khai của chị Phạm Thị Mai H1, sinh ngày 27/10/1987 và Phạm Tú H2, sinh ngày 05/11/1990 đều là con chung của ông H và bà V, cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: ông H và bà V chung sống với nhau đến năm 1992, do cuộc sống gia đình khó khăn về kinh tế dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, bà V đã bỏ nhà trốn sang Trung Quốc làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu bà V không thông tin, liên lạc với ông H nên ông H không biết bà V đi đâu, làm gì; sau đó ông H được biết bà V trốn sang Trung Quốc, thỉnh thoảng có về nước, có liên hệ với các con chung của ông H và bà V; lần gần nhất là năm 2023, về làm Căn cước công dân sau đó lại sang Trung Quốc sinh sống. Bà V đã xây dựng gia đình với người khác và có một con trai, nơi ở hiện nay của bà V tại Trung Quốc là vùng nông thôn (xa trung tâm), bà V không cung cấp được địa chỉ nơi ở vì không biết đọc và viết tiếng Trung Quốc. Ông H và bà V đã không còn chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay, không còn tình cảm, không quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về Thi hành luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà V.

[2.2] Về con chung: ông Phạm Xuân H và bà Phạm Thị V có hai con chung là Phạm Thị Mai H1, sinh ngày 27/10/1987 và Phạm Tú H2, sinh ngày 05/11/1990, các con chung đều đã thành niên và không bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông Phạm Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với ông Phạm Xuân H.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; **điểm a khoản 6 Điều 477** và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân H.

[1] Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Xuân H và bà Phạm Thị V.

[2] Về con chung: ông Phạm Xuân H và bà Phạm Thị V có hai con chung là Phạm Thị Mai H1, sinh ngày 27/10/1987 và Phạm Tú H2, sinh ngày 05/11/1990, đều đã thành niên và không bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông Phạm Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Phạm Xuân H.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: ông Phạm Xuân H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bà Phạm Thị V biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa Phúc thẩm - TAND tối cao tại Hà Nội;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường U, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng